

Problem: Plane Geometry – Bài Tập: Hình Học Phẳng

Nguyễn Quân Bá Hồng*

Ngày 28 tháng 1 năm 2024

Mục lục

1	Plane. Point. Line – Mặt Phẳng. Điểm. Đường Thẳng	1
2	Line segment – Đoạn Thẳng	3
3	Ray – Tia	5
4	Angle – Góc	6
4.1	Số đo góc	6
4.2	2 góc kề nhau	7
5	Tính Số Điểm, Số Đường Thẳng, Số Đoạn Thẳng, Số Tam Giác, Số Góc	7
6	Đếm Số. Đếm Hình	8
	Tài liệu	9

1 Plane. Point. Line – Mặt Phẳng. Điểm. Đường Thẳng

[1] 3 hình hình học không định nghĩa: mặt phẳng, điểm, đường thẳng. Điểm được đặt tên bằng chữ cái in hoa, e.g., $A, B, C, D, \dots, M, N, P, Q, \dots, X, Y, Z$. Đường thẳng được đặt tên bằng chữ cái in thường, e.g., $a, b, c, d, \dots, m, n, p, q, \dots, x, y, z$. [2] Về vị trí của điểm & đường thẳng: Với 1 đường thẳng bất kỳ, có vô số điểm thuộc đường thẳng đó & có vô số điểm không thuộc đường thẳng đó. Điểm A thuộc đường thẳng d ký hiệu là $A \in d$. Điểm B không thuộc đường thẳng d ký hiệu là $B \notin d$. [3] Tiên đề về sự xác định đường thẳng: Có 1 & chỉ 1 đường thẳng đi qua 2 điểm phân biệt. Khi 1 đường thẳng đi qua 2 điểm A, B , có đường thẳng AB hoặc đường thẳng BA . 1 quan hệ hình học được định nghĩa: 3 điểm thẳng hàng. Khi 3 điểm A, B, C cùng thuộc 1 đường thẳng thì chúng *thẳng hàng*. Nếu 3 điểm A, B, C không cùng thuộc bất cứ 1 đường thẳng nào thì chúng *không thẳng hàng*. [4] 2 đường thẳng phân biệt hoặc có 1 điểm chung, hoặc không có điểm chung nào. [5] Với 2 đường thẳng bất kỳ thì giữa chúng hoặc có 1 điểm chung (2 đường thẳng cắt nhau), hoặc không có điểm chung nào (2 đường thẳng song song), hoặc có vô số điểm chung (2 đường thẳng trùng nhau). [6] Tính chất về thứ tự của 3 điểm trên đường thẳng: Trong 3 điểm thẳng hàng, có 1 điểm & chỉ 1 điểm nằm giữa 2 điểm còn lại. [3] 1 quan hệ hình học không định nghĩa: Điểm nằm giữa 2 điểm khác. [7] Với 3 điểm A, B, C thẳng hàng mà điểm B không nằm giữa 2 điểm A, C , điểm C không nằm giữa 2 điểm A, B , thì điểm A phải nằm giữa 2 điểm B, C . [8] Với 3 điểm A, B, C thẳng hàng mà 2 điểm A, B nằm cùng phía đối với điểm C & 2 điểm A, C nằm cùng phía đối với điểm B , thì điểm A nằm giữa 2 điểm B, C . [9] Nếu điểm A nằm giữa 2 điểm B, C mà điểm M nằm giữa 2 điểm A, B & điểm N nằm giữa 2 điểm A, C thì điểm A nằm giữa 2 điểm M, N .

SGK: [Thá+23, §1, p. 79]: 1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. SBT: [Thá23]: 1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10. 11. 12.

1 ([Thá23], 11., p. 88). *Bác Long có 10 cây cảnh quý, bác muốn trồng thành 5 hàng, mỗi hàng 4 cây. Vẽ sơ đồ để trồng 10 cây đó.*

2 ([Thá23], 12., p. 88). *Xếp 9 viên bi thành: (a) 8 hàng, mỗi hàng có 3 viên; (b) 10 hàng, mỗi hàng có 3 viên.*

3 ([Tuy23], VD8, p. 87, [Bin23], 1., p. 65). *Cho 4 điểm A, B, C, D sao cho 3 điểm A, B, C thẳng hàng; 3 điểm B, C, D cũng thẳng hàng. Hỏi 4 điểm A, B, C, D có thẳng hàng không? Vì sao?*

4. *Trên mặt phẳng, cho n điểm $A_i, i = 1, 2, \dots, n, n \in \mathbb{N}, n \geq 3$. Giả sử 3 điểm bất kỳ trong số chúng đều thẳng hàng. Hỏi n điểm đó có thẳng hàng không?*

5. *Trên mặt phẳng, cho n điểm $A_i, i = 1, 2, \dots, n, n \in \mathbb{N}, n \geq 3$. Giả sử 3 điểm A_i, A_{i+1}, A_{i+2} thẳng hàng $\forall i = 1, 2, \dots, n - 2$. Hỏi n điểm đó có thẳng hàng không?*

*e-mail: nguyenquanbahong@gmail.com, website: <https://nqbh.github.io>, Ben Tre City, Vietnam.

- 6 ([Tuy23], VD9, p. 88). Trên đường thẳng a lấy 4 điểm M, N, P, Q theo thứ tự đó. Hỏi: (a) Điểm N nằm giữa 2 điểm nào? (b) Điểm P không nằm giữa 2 điểm nào?
- 7 ([Tuy23], VD10, p. 88). Cho trước 12 điểm trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng. Cứ qua 2 điểm vẽ 1 đường thẳng. Hỏi: (a) Vẽ được tất cả bao nhiêu đường thẳng? (b) Nếu thay 12 điểm bằng n điểm, $n \in \mathbb{N}$, $n \geq 2$, thì vẽ được bao nhiêu đường thẳng?
- 8 ([Tuy23], 38., p. 88). Vẽ 5 điểm C, D, E, F, G không thẳng hàng nhưng 3 điểm C, D, E thẳng hàng; 3 điểm E, F, G thẳng hàng.
- 9 ([Tuy23], 39., p. 89). Trái Đất quay quanh Mặt Trời; Mặt Trăng quay quanh Trái Đất. Mặt Trời chiếu sáng tới Trái Đất & Mặt Trăng. Khi 3 thiên thể này thẳng hàng thì xảy ra nhật thực hoặc nguyệt thực (là hiện tượng Mặt Trời hoặc Mặt Trăng đang sáng bỗng nhiên bị che lấp & tối đi). Hỏi: (a) Khi xảy ra nhật thực thì Mặt Trăng ở vị trí nào? (b) Khi xảy ra nguyệt thực thì Trái Đất ở vị trí nào?
- 10 ([Tuy23], 40., p. 89). Cho tứ giác $ABCD$, O là giao điểm 2 đường chéo. Qua O , vẽ 2 đường thẳng a, b sao cho a cắt cạnh AB, CD lần lượt tại M, N , b cắt cạnh AD, BC lần lượt tại E, F . Có bao nhiêu trường hợp 1 điểm nằm giữa 2 điểm khác? Kể ra tất cả các trường hợp đó.
- 11 ([Tuy23], 41., p. 89). Theo bài toán trước, ta có thể trồng 9 cây thành 8 hàng, mỗi hàng 3 cây. Vẽ sơ đồ trồng 9 cây thành: (a) 9 hàng, mỗi hàng 3 cây; (b) 10 hàng, mỗi hàng 3 cây.
- 12 ([Tuy23], 42., p. 89). Cho trước 2 điểm A, B . (a) Vẽ đường thẳng m đi qua A, B ; (b) Vẽ đường thẳng n đi qua A nhưng không đi qua B ; (c) Vẽ đường thẳng p không có điểm chung nào với đường thẳng m .
- 13 ([Tuy23], 43., p. 89). Cho trước 4 điểm A, B, C, D trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng. Xác định điểm M sao cho 3 điểm M, A, B thẳng hàng; 3 điểm M, C, D thẳng hàng.
- 14 ([Tuy23], 44., p. 89). Cho 3 điểm C, O, D thẳng hàng. Biết điểm C không nằm giữa 2 điểm O, D , điểm O không nằm giữa 2 điểm C, D . Hỏi trong 3 điểm đã cho, điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại?
- 15 ([Tuy23], 45., p. 89). Cho 3 điểm A, B, C trong đó không có điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại. Hỏi 3 điểm A, B, C có thẳng hàng không?
- 16 ([Tuy23], 46., p. 89). Cho trước 6 điểm. Cứ qua 2 điểm vẽ 1 đường thẳng. Hỏi: (a) Nếu trong 6 điểm đó không có 3 điểm nào thẳng hàng thì sẽ vẽ được bao nhiêu đường thẳng? (b) Nếu trong 6 điểm đó có đúng 3 điểm thẳng hàng thì sẽ vẽ được bao nhiêu đường thẳng?
- 17 ([Tuy23], 47., p. 89). Giải bóng đá vô địch quốc gia hạng chuyên nghiệp có 16 đội tham gia đấu vòng tròn 2 lượt đi & về. Tính tổng số trận đấu.
- 18 ([Tuy23], 48., p. 89). Cho trước n điểm, $n \in \mathbb{N}$, $n \geq 2$, trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng. Cứ qua 2 điểm vẽ 1 đường thẳng. Biết số đường thẳng vẽ được là 36, tính giá trị của n .
- 19 ([Tuy23], 49., p. 89). Cho 11 đường thẳng đôi một cắt nhau. Hỏi: (a) Nếu trong số đó không có 3 đường thẳng nào cùng đi qua 1 điểm thì có tất cả bao nhiêu giao điểm của chúng? (b) Nếu trong 11 đường thẳng đó có đúng 5 đường thẳng cùng đi qua 1 điểm thì có tất cả bao nhiêu giao điểm của chúng?
- 20 ([Tuy23], 50., p. 90). Cho trước n điểm, $n \in \mathbb{N}$, $n \geq 2$, trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng. Cứ qua 2 điểm vẽ 1 đường thẳng. Tìm n biết nếu có thêm 1 điểm (không thẳng hàng với bất kỳ 2 điểm nào trong số n điểm đã cho) thì số đường thẳng vẽ được tăng thêm là 8.
- 21 ([Tuy23], 51., p. 90). Cho trước 13 điểm trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng. Cứ qua 2 điểm vẽ 1 đường thẳng. Nếu ta bớt đi 4 điểm thì số đường thẳng vẽ được giảm đi bao nhiêu?
- 22 ([Tuy23], 52., p. 90). Cho trước n điểm, $n \in \mathbb{N}$, $n \geq 2$, trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng. Nếu bớt đi 1 điểm thì số đường thẳng vẽ được qua các cặp điểm giảm đi 10 đường thẳng, tính n .
- 23 ([Bin23], VD1, p. 64). Cho 2 đường thẳng cắt nhau. Nếu vẽ thêm 1 đường thẳng thứ 3 cắt cả 2 đường thẳng trên thì số giao điểm của các đường thẳng thay đổi như thế nào?
- 24 ([Bin23], VD2, p. 64). Giải thích vì sao 2 đường thẳng phân biệt hoặc có 1 điểm chung, hoặc không có điểm chung nào.
- 25 ([Bin23], 2., p. 65). Vẽ 5 điểm A, B, C, D, O sao cho 3 điểm A, B, C thẳng hàng, 3 điểm B, C, D thẳng hàng, 3 điểm C, D, O không thẳng hàng. (a) A, B, D có thẳng hàng không? Vì sao? (b) Kể các đường thẳng, mỗi đường thẳng đi qua ít nhất 2 điểm trong 5 điểm nói trên. Kể tên các đường thẳng trong hình vẽ (các đường thẳng trùng nhau chỉ kể là 1 đường thẳng).
- 26 ([Bin23], 3., p. 65). Cho các điểm A, B, C, D, E thuộc cùng 1 đường thẳng theo thứ tự ấy. Điểm C nằm giữa 2 điểm nào? Điểm C không nằm giữa 2 điểm nào?
- 27 ([Bin23], 4., p. 65). Cho A, B, C là 3 điểm thẳng hàng. Điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại nếu A không nằm giữa B & C , B không nằm giữa A & C ?
- 28 ([Bin23], 5., p. 65). Cho 4 điểm A, B, C, D trong đó điểm B nằm giữa 2 điểm A & C , điểm B nằm giữa A & D . Có thể khẳng định điểm D nằm giữa B & C không?

29 ([Bin23], 6., p. 65). (a) Xếp 10 điểm thành 5 hàng, mỗi hàng có 4 điểm. (b) Xếp 7 điểm thành 6 hàng, mỗi hàng có 3 điểm. (c) Người ta trồng 12 cây thành 6 hàng, mỗi hàng có 4 cây. Vẽ sơ đồ vị trí của 12 cây đó.

30 ([BC23], VD1.1, p. 6). Vẽ 5 điểm A, B, C, M, N trong đó 3 điểm A, B, C thẳng hàng, 3 điểm A, B, M không thẳng hàng & 3 điểm A, B, N thẳng hàng. (a) Giải thích vì sao vẽ được như vậy. (b) Chứng minh 4 điểm A, B, C, N cùng thuộc 1 đường thẳng d . (c) Đ/S? $A \in d, B \notin d, M \in d, N \notin d$. (d) 2 đường thẳng AN, BC có phân biệt không? 2 đường thẳng AB, MN trùng nhau không? (e) Có bao nhiêu đường thẳng đi qua từng cặp 2 điểm trong số 5 điểm đó.

31 ([BC23], VD1.2, p. 7). (a) Cho 4 điểm phân biệt. Cứ qua 2 điểm, vẽ được 1 đường thẳng. Đếm số đường thẳng. (b) Qua 5 điểm vẽ được nhiều nhất bao nhiêu đường thẳng?

32 ([BC23], VD1.3, p. 9). Cho 5 điểm A, B, C, D, E, F lần lượt cùng thuộc 1 đường thẳng d . (a) C nằm giữa 2 điểm nào? (b) B nằm giữa 2 điểm nào? (c) E không nằm giữa 2 điểm nào?

33 ([BC23], VD1.4, p. 9). Cho 5 điểm A, B, C, D, E, F . Biết 3 điểm A, B, C thẳng hàng, 3 điểm B, C, E thẳng hàng, 3 điểm C, E, F thẳng hàng. Chứng minh 5 điểm A, B, C, D, E, F thẳng hàng.

2 Line segment – Đoạn Thẳng

[1] Đoạn thẳng AB là hình gồm 2 điểm A, B & tất cả các điểm nằm giữa A, B . Đoạn thẳng AB còn gọi là đoạn thẳng BA . 2 điểm A, B là 2 *mút* (hoặc 2 *dầu*) của đoạn thẳng AB . Mỗi đoạn thẳng có 1 độ dài. Độ dài đoạn thẳng là 1 số lớn hơn 0. [2] Có thể so sánh 2 đoạn thẳng bằng cách so sánh độ dài của chúng. [3] 2 đoạn thẳng AB, CD cắt nhau tại điểm O . Điểm O gọi là *giao điểm* của 2 đoạn thẳng AB, CD , viết $AB \cap CD = \{O\}$. Điểm O nằm giữa 2 điểm A, B , điểm O nằm giữa 2 điểm C, D . [4] Đoạn thẳng AB & tia Ox cắt nhau tại điểm I , gọi là *giao điểm* của tia Ox & đoạn thẳng AB , viết $Ox \cap AB = \{I\}$. Điểm I nằm giữa 2 điểm A, B , 2 tia OI, Ox trùng nhau. [5] Đoạn thẳng AB & đường thẳng xy cắt nhau tại điểm K , gọi là *giao điểm* của đường thẳng xy & đoạn thẳng AB , viết $xy \cap AB = \{K\}$. Điểm K nằm giữa 2 điểm A, B , 2 tia Kx, Ky đối nhau. [6] Tính chất cộng các đoạn thẳng: Nếu điểm M nằm giữa A, B thì $AM + MB = AB$. Tổng quát: Nếu $A_1A_2 \dots A_n = A_1A_n$, i.e., độ dài đường gấp khúc $A_1A_2 \dots A_n$ bằng độ dài đoạn thẳng A_1A_n thì A_1, A_2, \dots, A_n thẳng hàng theo thứ tự ấy. Nếu $AM + MB = AB$ thì M nằm giữa 2 điểm A, B . Nếu A, B thuộc tia Ox & $OA < OB$ thì A nằm giữa O, B . See [Wikipedia/line segment](#).

34 ([Bin23], VD7, p. 68). Chứng minh nếu 2 điểm A, B cùng thuộc tia Ox & $OA < OB$ thì điểm A nằm giữa 2 điểm O, B .

35 ([Bin23], VD8, p. 69). Cho đoạn thẳng $AB = 3$ cm. Điểm C thuộc đường thẳng AB sao cho $BC = 1$ cm. Tính đoạn thẳng AC .

36 ([Bin23], 15., p. 69). Cho đoạn thẳng AB . Trên tia đối của tia AB lấy điểm C , trên tia đối của tia BA lấy điểm D sao cho $BD = AC$. Chứng minh $BC = AD$.

37 ([Bin23], 16., p. 69). Cho đoạn thẳng AB có độ dài 8 cm. Trên tia AB lấy điểm C sao cho $AC = 2$ cm, trên tia BA lấy điểm D sao cho $BD = 3$ cm. Tính CB, CD .

38 ([Bin23], 17., p. 69). Cho 3 điểm A, B, C thẳng hàng. Biết $AB = 5$ cm, $BC = 2$ cm. Tính AC .

39 ([Bin23], 18., p. 69). Trên tia Ox , vẽ 2 điểm A, B sao cho $OA = a, OB = b$. Điểm C thuộc đoạn thẳng AB sao cho $AC = \frac{1}{2}BC$. Tính OC .

40 ([Bin23], 19., p. 69, triangle number). Gọi $T_n, n \in \mathbb{N}^*$, là số điểm trên mặt phẳng sao cho chúng tạo thành 1 tam giác đều có cạnh bằng $n - 1$ đơn vị & 2 điểm gần nhau (không có điểm nào ở giữa 2 điểm đó trong số T_n điểm đó) thì cách nhau 1 đơn vị. Tìm công thức các số tam giác T_n .

See, e.g., [Wikipedia/số tam giác](#), [Wikipedia/triangle number](#). [Bin23, 20., p. 70].

41 ([Bin23], VD9, p. 70). Cho điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB . Chứng minh $AM = BM = \frac{1}{2}AB$.

42 ([Bin23], VD10, p. 71). Cho đoạn thẳng AB có độ dài a . Trên tia AB lấy điểm M sao cho $AM = \frac{a}{2}$. Chứng minh M là trung điểm AB .

43 ([Bin23], VD11, p. 71). Cho đoạn thẳng $OA = a$, điểm B nằm trong đoạn thẳng OA sao cho $OB = b$. M, N, I lần lượt là trung điểm OA, OB, AB . Tính IM, IN theo a, b .

44 ([Bin23], 21., p. 71). Cho $\triangle ABC$, 2 đường trung tuyến BD, CE cắt nhau ở K . Kẻ đoạn thẳng DE . Đo độ dài rồi cho biết mỗi cạnh của $\triangle KDE$ bằng nửa cạnh nào của $\triangle KBC$.

45 ([Bin23], 22., p. 71). Cho đoạn thẳng $AB = 5$ cm, điểm C nằm giữa A, B , 2 điểm D, E lần lượt là trung điểm AC, CB . Tính DE .

- 46 ([Bin23], 23., p. 71). Cho đoạn thẳng $AB = 5$ cm, điểm C nằm giữa A, B sao cho $AC = 2$ cm, 2 điểm D, E lần lượt là trung điểm AC, CB . I là trung điểm DE . Tính DE, CI .
- 47 ([Bin23], 24., p. 71). Cho 4 điểm A, B, C, D thẳng hàng theo thứ tự ấy. M, N lần lượt là trung điểm AB, CD . (a) Biết $AC = 4$ cm, $BD = 6$ cm, tính MN . (b) Biết $MN = 5$ cm, tính $AC + BD$.
- 48 ([Bin23], 25., p. 71). Cho đoạn thẳng AB với O là trung điểm. Điểm C thuộc đoạn thẳng OB , $OC = 1$ cm. Tính $CA - CB$.
- 49 ([Bin23], 26., p. 72). Cho đoạn thẳng AB , điểm C nằm trong đoạn thẳng AB , O là trung điểm của AC . Biết $OB = 3$ cm. Tính $AB + BC$.
- 50 ([Bin23], 27., p. 72). (a) Cho đoạn thẳng $AB = 2a$, điểm C nằm giữa A, B , 2 điểm M, N lần lượt là trung điểm AC, BC . Chứng minh $MN = a$. (b) Kết quả (a) còn đúng không nếu điểm C thuộc đường thẳng AB ?
- 51 ([Bin23], 28., p. 72). Cho điểm C thuộc đoạn thẳng AB có $CA = a, CB = b$. I là trung điểm AB . Tính IC .
- 52 ([Bin23], 29., p. 72). Cho điểm C thuộc đường thẳng AB nhưng không thuộc đoạn thẳng AB . Biết $CA = a, CB = b$. I là trung điểm AB . Tính IC .
- 53 ([Bin23], 30., p. 72). Trên tia Ox có 2 điểm A, B , $OA = a, OB = b$. I là trung điểm AB . Tính OI .
- 54 ([Bin23], 31., p. 72). Cho điểm O nằm trong đoạn thẳng AB có $OA = a, Ob = b$. M, N, I lần lượt là trung điểm OA, OB, AB . Tính IM, IN .
- 55 ([BC23], VD1.11, p. 13). Vẽ 2 đoạn thẳng AB, CD cắt nhau tại điểm I . Kể tên các đoạn thẳng.
- 56 ([BC23], VD1.12, p. 13). Cho 2 đường thẳng phân biệt AB, CD . Biết đường thẳng AB cắt đoạn thẳng CD ở đường thẳng CD cắt đoạn thẳng AB . Chứng minh đoạn thẳng AB cắt đoạn thẳng CD .
- 57 ([BC23], VD1.13, p. 14). 2 đường thẳng d, d' cắt nhau tại O . Lấy 4 điểm A, B, M, N trên đường thẳng d' sao cho O nằm giữa A, B , B nằm giữa O, M , N nằm giữa O, A . d có cắt 3 đoạn thẳng AB, AM, AN không?
- 58 ([BC23], VD1.14, p. 15). Cho 4 điểm A, B, C, D . Qua 2 điểm vẽ 1 đường thẳng. (a) Nếu không có 3 điểm nào thẳng hàng, đếm số đoạn thẳng. (b) Nếu có 3 điểm thẳng hàng, giả sử là A, B, C , đếm số đoạn thẳng. (c) Xét trường hợp cả 4 điểm thẳng hàng, đếm số đoạn thẳng. (d) Trong trường hợp 4 điểm thuộc đường thẳng xy , tính số đoạn thẳng, tia.
- 59 ([BC23], VD1.15, p. 16). Qua 2 điểm vẽ được 1 ở chỉ 1 đường thẳng. (a) Cho 3 điểm không thẳng hàng, vẽ được bao nhiêu đường thẳng qua 2 trong 3 điểm đó? (b) Cho 4 điểm, 5 điểm trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng, vẽ được bao nhiêu đường thẳng qua 2 trong các điểm đó? (c) Cho 100 điểm trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng, vẽ được bao nhiêu đường thẳng qua 2 trong các điểm đó?
- 60 ([BC23], VD1.16, p. 17). Cho 50 điểm. Vẽ được bao nhiêu đường thẳng qua 2 điểm trong 50 điểm đó nếu: (a) Không có 3 điểm nào thẳng hàng? (b) Có đúng 3 điểm thẳng hàng? (c) Có đúng 10 điểm thẳng hàng. (d) Có đúng n điểm thẳng hàng với $n \in \mathbb{N}, 3 \leq n \leq 50$.
- 61 ([BC23], VD1.17, p. 18). Cho n điểm mà không có 3 điểm nào thẳng hàng. Cứ qua 2 điểm vẽ 1 đường thẳng. (a) Biết $n = 123$. Tính số đường thẳng vẽ được. (b) Biết số đường thẳng vẽ được là 378. Tính số điểm n . (c) Số đường thẳng có thể là 2012 không?
- 62 ([BC23], VD1.18, p. 19). Trên mặt phẳng cho 4 đường thẳng khác nhau. (a) Có thể vẽ 4 đường thẳng đôi một cắt nhau sao cho số giao điểm của các đường thẳng là 1, 2, 3 không? (b) Tính số giao điểm vẽ được nhiều nhất.
- 63 ([BC23], VD1.19, p. 19). Biết bất kỳ 2 đường thẳng nào cũng cắt nhau ở không có 3 đường thẳng nào đồng quy. Tính số giao điểm của các đường thẳng nếu có n đường thẳng: (a) $n \in \{3, 4, 5\}$. (b) $n = 100$. (c) Xét trường hợp tổng quát $n \in \mathbb{N}, n \geq 3$.
- 64 ([BC23], 1.1., pp. 20–21). Cho 6 điểm A, B, C, O, M, N sao cho A, B, C không thẳng hàng, A, B, O thẳng hàng, O, C, M thẳng hàng, C, M, N thẳng hàng. (a) Chứng minh O, C, M, N cùng thuộc 1 đường thẳng. (b) 2 đường thẳng MN, AB trùng nhau không? (c) Cứ qua 2 điểm vẽ 1 đường thẳng. Đếm số đường thẳng được vẽ ở liệt kê.
- 65 ([BC23], 1.2., p. 21). Chứng minh 5 điểm A, B, C, M, N thẳng hàng biết A, B, M thẳng hàng, B, C, N thẳng hàng, A, M, N thẳng hàng.
- 66 ([BC23], 1.3., p. 21). Cho 4 điểm A, B, C, M trong đó B nằm giữa A, C , M nằm giữa A, B . Trong 3 điểm B, C, M , điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại?
- 67 ([BC23], 1.4., p. 21). Cho 2 tia AM, AN đối nhau. (a) Lấy điểm B sao cho điểm N nằm giữa 2 điểm A, B . A có nằm giữa 2 điểm M, N không? (b) Lấy điểm $C \neq A$ nằm giữa 2 điểm M, N . C có nằm giữa B, M không? (c) Trong 3 điểm A, B, C , điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại?
- 68 ([BC23], 1.5., p. 21). Cho 4 điểm A, B, C, D thẳng hàng theo thứ tự đó. (a) Đếm số đoạn thẳng ở liệt kê. (b) Nếu 4 điểm A, B, C, D thẳng hàng nhưng không theo thứ tự đó, đếm số đoạn thẳng. (c) Lấy điểm O không thuộc đường thẳng AB . Nối điểm O với A, B, C, D . Đếm số đoạn thẳng.

- 69** ([BC23], 1.6., p. 21). Cho n đường thẳng trong đó bất cứ 2 đường thẳng nào cũng cắt nhau, không có 3 đường nào đồng quy. (a) Tính số giao điểm của các đường thẳng khi $n = 124$. (b) Tìm n để số giao điểm bằng 124.
- 70** ([BC23], 1.7., p. 21). Cho n điểm trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng. Cứ qua 2 điểm vẽ 1 đường thẳng. (a) Tính số đường thẳng vẽ được khi $n = 24$. (b) Tìm n để số đường thẳng bằng 240.
- 71** ([BC23], 1.8., p. 21). Cho n điểm, nối từng cặp 2 điểm. (a) Tính số đoạn thẳng khi $n = 100$. (b) Tìm n để số đoạn thẳng bằng tổng các số từ 1 đến 99.
- 72** ([BC23], 1.9., p. 21). 5 đường thẳng chia mặt phẳng thành nhiều nhất bao nhiêu miền?
- 73** ([BC23], VD2.1, p. 22). Cho đoạn thẳng $AB = 5$ cm. Lấy điểm M thuộc đường thẳng AB mà $BM = 2$ cm. Tính độ dài đoạn thẳng AM .
- 74** ([BC23], VD2.2, p. 22). Cho đoạn thẳng $AB = a$. Lấy điểm M thuộc đường thẳng AB mà $BM = b$. Tính độ dài đoạn thẳng AM theo $a, b \in (0, \infty)$.
- 75** ([BC23], VD2.3, p. 23). Cho C là 1 điểm thuộc đoạn thẳng AB ế không trùng với 2 điểm A, B . A có nằm giữa B, C không?
- 76** ([BC23], VD2.4, p. 24). 3 điểm A, B, C có thẳng hàng không nếu: (a) $AB = 2, BC = 7, AC = 5$? (b) $AB = 3, BC = 7, AC = 5$? (c) Đặt $BC = a, CA = b, AB = c$. Tìm điều kiện của $a, b, c \in (0, \infty)$ để: (i) A, B, C thẳng hàng. (ii) A, B, C không thẳng hàng.
- 77** ([BC23], VD2.5, p. 24). Cho độ dài 3 đoạn thẳng $BC = a, CA = b, AB = c$. Điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại biết: $0 < \min\{b, c\} \leq \max\{b, c\} < a$ nhưng $a < b + c$?
- 78** ([BC23], 2.1., p. 25). Cho 4 điểm A, B, C, D theo thứ tự đó cùng thuộc 1 đường thẳng xy . (a) Đếm số đoạn thẳng trên đường thẳng xy ế liệt kê. (b) Chỉ ra các đoạn thẳng là tổng các đoạn thẳng khác.
- 79** ([BC23], 2.2., p. 25). Cho 3 điểm A, B, C mà độ dài của 3 đoạn thẳng thỏa mãn $AB + BC > AC$. Có thể kết luận A, B, C không thẳng hàng không?
- 80** ([BC23], 2.3., p. 25). A, B, C có thẳng hàng không nếu: (a) $AB = \frac{1}{2}, BC = \frac{1}{3}, CA = \frac{1}{6}$? (b) $AB = 5, BC = 11, CA = 7$?
- 81** ([BC23], 2.4., p. 25). Cho A, B, C thẳng hàng. Điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại nếu: (a) $AB = 2, BC = 13, CA = 11$? (b) $AC = 7, BC = 11$?
- 82** ([BC23], 2.5., p. 25). Cho A, B, C, D thẳng hàng theo thứ tự đó. (a) So sánh AB, CD biết $AC = BD$. (b) So sánh AC, BD biết $AB = CD$.
- 83** ([BC23], 2.6., p. 25). A, B, O thuộc đường thẳng xy . Tính độ dài đoạn thẳng AB biết $OA + OB = a, OA - OB = b, 0 < b < a$.
- 84** ([BC23], 2.7., p. 25). Cho đoạn thẳng $AB = 5$. Trên tia BA lấy điểm M sao cho $AM = 2$. (a) Trong 3 điểm A, B, M , điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại? (b) Tính độ dài đoạn thẳng BM . (c) Lấy điểm N thuộc tia đối của tia BA sao cho $BN = 1$. Tính MN .
- 85** ([BC23], 2.8., p. 25). Cho đoạn thẳng $AB = 7$ ế điểm M nằm giữa A, B sao cho $BM = 5$. Trên tia đối của tia MA lấy N sao cho $MN = 7$. Chứng minh $AM = BN$.

3 Ray – Tia

[1] Hình gồm điểm O & 1 phần đường thẳng bị chia ra bởi điểm O gọi là 1 tia gốc O . Tia Ox còn gọi là 1 nửa đường thẳng gốc O . Tia Ox không bị giới hạn về phía x . [2] 2 tia chung gốc Ox, Oy tạo thành đường thẳng xy gọi là 2 tia đối nhau. Mỗi điểm trên đường thẳng là gốc chung của 2 tia đối nhau. [3] Cho 2 tia chung gốc Ox, Oy , có: hoặc đó là 2 tia đối nhau, hoặc là 2 tia trùng nhau, hoặc là 2 tia không đối nhau, không trùng nhau. [4] Về thứ tự của 3 điểm trên 1 đường thẳng: Cho 3 điểm A, B, C thẳng hàng, nếu 2 tia AB, AC đối nhau thì điểm A nằm giữa 2 điểm B, C . [5] Về sự xác định tia: Nếu điểm A nằm giữa 2 điểm B, C thì 2 tia AB, AC đối nhau, 2 tia BA, BC trùng nhau, 2 tia CA, CB trùng nhau.

86 ([Bin23], VD3, p. 66). Cho 3 điểm A, B, C trong đó 2 tia BA, BC đối nhau. Trong 3 điểm A, B, C điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại?

87 ([Bin23], VD4, p. 66). Điểm B nằm giữa 2 điểm A, C . Tìm các tia đối nhau, trùng nhau.

88 ([Bin23], VD5, p. 66). Cho 2 đoạn thẳng AB, CD cắt nhau tại điểm O nằm giữa 2 đầu của mỗi đoạn thẳng. (a) Kể tên các đoạn thẳng. (b) Điểm O là điểm chung của 2 đoạn thẳng nào?

[Bin23, VD6, p. 66, 14., p. 68].

89 ([Bin23], 7., p. 67). O là 1 điểm của đường thẳng xy . Vẽ điểm A thuộc tia Ox , vẽ 2 điểm B, C thuộc tia Oy sao cho C nằm giữa B, O . (a) Đếm số tia, số đoạn thẳng. (b) Kể tên các cặp tia đối nhau.

- 90 ([Bin23], 8., p. 67). Cho 5 điểm A, B, C, M, N thỏa điểm C nằm giữa A, B , điểm M nằm giữa A, C , điểm N nằm giữa B, C .
(a) Tia CM, CN trùng với tia nào? (b) Vì sao điểm C nằm giữa M, N ?
- 91 ([Bin23], 9., p. 67). Cho điểm B nằm giữa 2 điểm A, C , điểm C nằm giữa 2 điểm B, D . Vì sao điểm B nằm giữa A, D ?
- 92 ([Bin23], 10., p. 67). Cho điểm B nằm giữa 2 điểm A, C , điểm D nằm giữa 2 điểm B, C . Điểm D có nằm giữa A, B không?
- 93 ([Bin23], 11., p. 67). Cho điểm B nằm giữa 2 điểm A, C , điểm D thuộc tia BC & không trùng B . Điểm B có nằm giữa A, D không?
- 94 ([Bin23], 12., p. 67). Cho 3 điểm A, B, C không thẳng hàng. Vẽ đường thẳng a không đi qua A, B, C sao cho đường thẳng a :
(a) Cắt 2 đoạn thẳng AB, AC . (b) Không cắt mỗi đoạn thẳng AB, BC, CA .
- 95 ([Bin23], 13., p. 67). (a) Vẽ 6 đoạn thẳng sao cho mỗi đoạn thẳng cắt đúng 3 đoạn thẳng khác. (b) Vẽ 8 đoạn thẳng sao cho mỗi đoạn thẳng cắt đúng 3 đoạn thẳng khác.
- 96 ([BC23], VD1.5, p. 10). Cho điểm O thuộc đường thẳng xx' . Lấy 2 điểm A, B thuộc tia Ox sao cho A nằm giữa B, O . Đếm số tia. Đếm số cặp tia đối nhau.
- 97 ([BC23], VD1.6, p. 11). Cho 3 điểm A, B, C không thẳng hàng. Đặt tên đường thẳng BC là xx' , đường thẳng CA là yy' & đường thẳng AB là zz' . Liệt kê các cặp tia đối nhau, trùng nhau.
- 98 ([BC23], VD1.7, p. 11). Cho 3 điểm A, B, C . (a) Khi nào 2 tia BA, BC đối nhau? (b) Khi nào 2 tia CA, CB trùng nhau? (c) Khi nào 2 tia AB, AC không là 2 tia đối nhau & cùng không là 2 tia trùng nhau?
- 99 ([BC23], VD1.8, p. 12). Cho điểm B nằm giữa 2 điểm A, C . Điểm C nằm giữa 2 điểm B, D . C có nằm giữa A, D không?
- 100 ([BC23], VD1.9, p. 12). Cho điểm B nằm giữa 2 điểm A, D & điểm C nằm giữa 2 điểm B, D . C có nằm giữa A, B không?
- 101 ([BC23], VD1.10, p. 12). Cho điểm A nằm giữa 2 điểm B, C . Biết M nằm giữa A, B , N nằm giữa A, C . A có nằm giữa M, N không?

4 Angle – Góc

- 102 ([Bin23], VD12, p. 72). Cho đường thẳng a & 3 điểm A, B, C sao cho a không cắt 2 đoạn thẳng AB, AC . a có cắt đoạn thẳng BC không?
- 103 ([Bin23], VD1, p. 73). Cho 5 tia chung gốc OA, OB, OC, OD, OE . Kể tên các góc.
- 104 ([Bin23], 32., p. 73). Cho 3 điểm A, B, C không nằm trên đường thẳng a , trong đó a cắt 2 đoạn thẳng AB, AC . a có cắt đoạn thẳng BC không?
- 105 ([Bin23], 33., p. 73). Cho 3 điểm A, B, C không nằm trên đường thẳng a sao cho a cắt đoạn thẳng AB , không cắt đoạn thẳng BC . a có cắt đoạn thẳng AC không?
- 106 ([Bin23], 34., p. 73). 3 điểm A, B, C không nằm trên đường thẳng a . Chứng minh hoặc đường thẳng a không cắt đoạn thẳng nào trong 3 đoạn thẳng AB, BC, CA , hoặc đường thẳng a chỉ cắt 2 trong 3 đoạn thẳng đó.
- 107 ([Bin23], 35., p. 73). 4 điểm A, B, C, D không nằm trên đường thẳng a . Chứng minh a hoặc không cắt, hoặc cắt 3, hoặc cắt 4 đoạn thẳng trong 6 đoạn thẳng AB, AC, AD, BC, BD, CD .
- 108 ([Bin23], 36., p. 73). Cho góc bẹt xOy , vẽ 3 tia Oa, Ob, Oc thuộc cùng 1 nửa mặt phẳng có bờ xy . Đếm số góc & kể tên chúng.

4.1 Số đo góc

- 109 ([Bin23], VD14, p. 74). Cho tia Oc nằm giữa 2 tia Oa, Ob không đối nhau, tia Om nằm giữa tia Oa, Oc , tia On nằm giữa 2 tia Ob, Oc . Tia Oc có nằm giữa 2 tia Om, On không?
- 110 ([Bin23], VD15, p. 74). Chứng minh nếu 1 đường thẳng không đi qua các đỉnh của 1 tam giác & cắt 1 cạnh của tam giác ấy thì nó cắt 1 & chỉ 1 trong 2 cạnh còn lại.
- 111 ([Bin23], VD16, p. 74). Cho góc tù AOB . Vẽ 2 tia OC, OD nằm trong góc AOB sao cho AOC, BOD là 2 góc vuông. Chứng minh: (a) $\widehat{AOD} = \widehat{BOC}$. (b) $\widehat{AOB}, \widehat{COD}$ bù nhau.
- 112 ([Bin23], 37., p. 75). Cho điểm B nằm giữa 2 điểm A, C , điểm D thuộc tia BC & không trùng B , điểm O nằm ngoài đường thẳng AC . Trong 3 tia OA, OB, OD , tia nào nằm giữa 2 tia còn lại?
- 113 ([Bin23], 38., p. 75). Cho 2 tia Oa, Ob không đối nhau. Trên tia Oa lấy điểm $A \neq O$, trên tia Ob lấy điểm $B \neq O$. 1 điểm C bất kỳ nằm giữa A, B . Vẽ điểm M sao cho điểm O nằm giữa C, M . (a) Chứng minh tia OC nằm giữa 2 tia OA, OB . (b) Trong 3 tia OA, OB, OM , có tia nào nằm giữa 2 tia còn lại không? Phát biểu thành 1 tính chất.

- 114 ([Bin23], 39., p. 75). Có thể khẳng định trong 3 tia chung gốc, bao giờ cũng có 1 tia nằm giữa 2 tia còn lại không?
- 115 ([Bin23], 40., p. 75). 2 đường thẳng AB, CD cắt nhau ở O . Biết $\widehat{AOC} - \widehat{BOC} = 5^\circ$. Tính $\widehat{AOC}, \widehat{BOC}, \widehat{BOD}, \widehat{AOD}$.
- 116 ([Bin23], 41., p. 75). Cho điểm B nằm giữa 2 điểm A, D , điểm O nằm ngoài đường thẳng AD . Biết $\widehat{AOD} = 80^\circ, \widehat{AOB} = 50^\circ$. Tính \widehat{BOD} .
- 117 ([Bin23], 42., p. 75). Cho $\widehat{xOy} = 90^\circ$, vẽ tia Oz thỏa $\widehat{yOz} = 30^\circ$. (a) Tia Oz có xác định duy nhất không? (b) Tính \widehat{xOz} trong từng trường hợp.
- 118 ([Bin23], 43., p. 75). 2 đường thẳng AB, CD cắt nhau ở O . Biết $\widehat{AOC} = 70^\circ$. Tính $\widehat{AOD}, \widehat{BOC}, \widehat{BOD}$.
- 119 ([Bin23], 44., p. 75). Tính góc tạo bởi kim giờ & kim phút của đồng hồ lúc: (a) 2:10. (b) 10:42.
- 120 ([Bin23], 45., p. 76). Cho $\triangle ABC$, D nằm giữa A, C , E nằm giữa A, B . Chứng minh đường thẳng BD cắt đoạn thẳng CE , đường thẳng CE cắt đoạn thẳng BD .
- 121 ([Bin23], 46., p. 76). Cho $\triangle ABC$. Chứng minh bao giờ cũng vẽ được 1 đường thẳng không đi qua 3 đỉnh của $\triangle ABC$ & cắt cả 3 tia AB, BC, CA .
- 122 ([Bin23], 47., p. 76). Cho điểm O nằm trong $\triangle ABC$. Chứng minh: (a) Tia BO cắt đoạn thẳng AC tại 1 điểm D nằm giữa A, C . (b) Điểm O nằm giữa B, D . (c) Trong 3 tia OA, OB, OC , không có tia nào nằm giữa 2 tia còn lại.

4.2 2 góc kề nhau

- 123 ([Bin23], VD17, p. 76). Chứng minh: (a) Nếu 2 góc kề nhau có 2 cạnh ngoài là 2 tia đối nhau thì 2 góc đó bù nhau. (b) Nếu 2 góc kề nhau mà bù nhau thì 2 cạnh ngoài của chúng là 2 tia đối nhau.
- 124 ([Bin23], VD18, p. 77). Cho 3 tia chung gốc OA, OB, OC . Tính \widehat{BOC} biết: (a) $\widehat{AOB} = 130^\circ, \widehat{AOC} = 30^\circ$. (b) $\widehat{AOB} = 130^\circ, \widehat{AOC} = 80^\circ$. (c) $\widehat{AOB} = \alpha, \widehat{AOC} = \beta$ với $\alpha, \beta \in (0^\circ, 180^\circ)$.
- 125 ([Bin23], 48., p. 78). Cho 3 đường thẳng AD, BE, CF đồng quy ở O , trong đó tia OB nằm giữa 2 tia OA, OC . Kể tên các góc kề với \widehat{AOB} .
- 126 ([Bin23], 49., p. 78). Cho 2 tia Ox, Oy đối nhau. Trên 2 nửa mặt phẳng đối nhau có bờ chứa tia Ox , vẽ 2 tia Om, On sao cho $\widehat{xOm} = 70^\circ, \widehat{yOn} = 70^\circ$. Chứng minh 2 tia Om, On đối nhau.
- 127 ([Bin23], 50., p. 78). Cho $\widehat{xOy}, \widehat{xOz}$ kề nhau. Tính \widehat{yOz} biết: (a) $\widehat{xOy} = 40^\circ, \widehat{xOz} = 140^\circ$. (b) $\widehat{xOy} = 50^\circ, \widehat{xOz} = 70^\circ$. (c) $\widehat{xOy} = 120^\circ, \widehat{xOz} = 130^\circ$. (d) $\widehat{xOy} = \alpha, \widehat{xOz} = \beta$ với $\alpha, \beta \in (0^\circ, 180^\circ)$.
- 128 ([Bin23], 51., p. 78). Cho 3 tia Ox, Oy, Oz . Tính \widehat{yOz} biết: (a) $\widehat{xOy} = 60^\circ, \widehat{xOz} = 40^\circ$. (b) $\widehat{xOy} = 120^\circ, \widehat{xOz} = 100^\circ$. (c) $\widehat{xOy} = \alpha, \widehat{xOz} = \beta$ với $\alpha, \beta \in (0^\circ, 180^\circ)$.
- 129 ([Bin23], 52., p. 78). Cho 4 tia OA, OB, OC, OD tạo thành 4 góc AOB, BOC, COD, DOA không có điểm trong chung. Tính số đo mỗi góc ấy biết: (a) $\widehat{BOC} = 3\widehat{AOB}, \widehat{COD} = 5\widehat{AOB}, \widehat{DOA} = 6\widehat{AOB}$. (b) $\widehat{BOC} = a\widehat{AOB}, \widehat{COD} = b\widehat{AOB}, \widehat{DOA} = c\widehat{AOB}$ với $a, b, c > 0$.
- 130 ([Bin23], 52., p. 78). Cho 3 góc AOB, BOC, COD không có điểm trong chung & đều có số đo bằng α . Tính \widehat{AOD} .

5 Tính Số Điểm, Số Đường Thẳng, Số Đoạn Thẳng, Số Tam Giác, Số Góc

- 131 ([Bin23], VD19, p. 78). (a) Cho 100 điểm trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng. Cứ qua 2 điểm vẽ 1 đường thẳng. Đếm số đoạn thẳng, đường thẳng.
- 132 ([Bin23], VD20, p. 79). Trên mặt phẳng có 4 đường thẳng. Số giao điểm của các đường thẳng có thể bằng bao nhiêu?
- 133 ([Bin23], VD21, p. 80). Cho $n \in \mathbb{N}, n \geq 2$. Nối từng cặp 2 điểm trong n điểm đó thành các đoạn thẳng. (a) Đếm số đoạn thẳng nếu trong n điểm đó không có 3 điểm nào thẳng hàng. (b) Đếm số đoạn thẳng nếu trong n điểm đó có đúng 3 điểm thẳng hàng. (c) Tính n biết có tất cả 1770 đoạn thẳng.
- 134 ([Bin23], VD22, p. 80). Cho $\triangle ABC$, D, E lần lượt nằm trong cạnh AC, AB , K là giao điểm của BD, CE . Kẻ đoạn thẳng DE . Đếm số tam giác.
- 135 ([Bin23], VD23, p. 81). Cho $n \in \mathbb{N}, n \geq 2$. Vẽ n tia chung gốc. Đếm số góc.
- 136 ([Bin23], 54., p. 81). Cho n điểm A_1, A_2, \dots, A_n trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng. Cứ qua 2 điểm, kẻ 1 đường thẳng. (a) Kể tên các đường thẳng nếu $n = 4$. (b) Tính số đường thẳng nếu $n = 20$. (c) Tính số đường thẳng theo n . (d) Tính n biết số đường thẳng kẻ được là 1128. (e) Số đường thẳng có thể bằng 2004 không?

- 137** ([Bin23], 55., p. 81). Cho 100 điểm trong đó có đúng 4 điểm thẳng hàng, ngoài ra không có 3 điểm nào thẳng hàng. Cứ qua 2 điểm, vẽ 1 đường thẳng. Đếm số đường thẳng.
- 138** ([Bin23], 56., p. 81). Cho n điểm trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng. Cứ qua 2 điểm, vẽ 1 đường thẳng. Biết có tất cả 105 đường thẳng. Tính n .
- 139** ([Bin23], 57., p. 81). Cho 4 điểm, bất cứ 2 điểm nào cũng có ít nhất 1 đường thẳng đi qua. Có thể có bao nhiêu đường thẳng?
- 140** ([Bin23], 58., p. 81). (a) Cho 3 đường thẳng cắt nhau đôi một. Có thể có bao nhiêu giao điểm? (b) Vẽ 3 đường thẳng sao cho số giao điểm (của 2 hoặc 3 đường thẳng) lần lượt là 0, 1, 2, 3.
- 141** ([Bin23], 59., p. 81). Cho 101 đường thẳng trong đó bất cứ 2 đường thẳng nào cũng cắt nhau, không có 3 đường thẳng nào đồng quy. Tính số giao điểm của chúng.
- 142** ([Bin23], 60., p. 81). Cho n đường thẳng trong đó bất cứ 2 đường thẳng nào cũng cắt nhau, không có 3 đường thẳng nào đồng quy. Biết số giao điểm của đường thẳng đó là 780. Tính n .
- 143** ([Bin23], 61., p. 81). Cho 10 điểm. Nối từng cặp điểm trong 10 điểm đó thành các đoạn thẳng. Tính số đoạn thẳng mà 2 mút thuộc tập 10 điểm đã cho, nếu trong các điểm đã cho: (a) Không có 3 điểm nào thẳng hàng. (b) Có đúng 3 điểm thẳng hàng.
- 144** ([Bin23], 62., p. 82). Cho n điểm. Nối từng cặp điểm trong n điểm đó thành các đoạn thẳng. Tính n biết có tất cả 435 đoạn thẳng.
- 145** ([Bin23], 63., p. 82). 1 đường thẳng chia mặt phẳng thành 2 miền. (a) 2 đường thẳng có thể chia mặt phẳng thành mấy miền? (b) 3 đường thẳng có thể chia mặt phẳng thành mấy miền? (c) 4 đường thẳng chia mặt phẳng nhiều nhất thành mấy miền? (d) $n \in \mathbb{N}^*$ đường thẳng chia mặt phẳng nhiều nhất thành mấy miền?
- 146** ([Bin23], 64., p. 82). Cho 10 điểm thuộc đường thẳng a & 1 điểm nằm ngoài a . Đếm số tam giác có 3 đỉnh trong 11 điểm đó.

147 ([Bin23], 65., p. 82). Cho $\widehat{xOy} \neq 180^\circ$. Trên tia Ox lấy 3 điểm không trùng O là A, B, C . Trên tia Oy lấy 4 điểm không trùng O là D, E, F, G . Đếm số tam giác mà 3 đỉnh nằm trong 8 điểm O, A, B, C, D, E, F, G .

148 ([Bin23], 66., p. 82). (a) Cho n tia chung gốc tạo thành tất cả 190 góc. Tính n . (b) Cho n tia chung gốc tạo thành tất cả m góc. Tính n theo m .

149 (Đếm số đoạn thẳng, đường thẳng tổng quát). Cho $n \in \mathbb{N}, n \geq 2$. (a) Cho n điểm trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng, đếm số đoạn thẳng, đường thẳng đi qua 2 điểm trong chúng. (b) Cho n điểm trong đó có đúng 1 bộ m điểm thẳng hàng với nhau, đếm số đoạn thẳng, đường thẳng đi qua 2 điểm trong chúng. (c) Cho n điểm trong đó có đúng m bộ điểm thẳng hàng với nhau lần lượt nằm trên các đường thẳng a_1, a_2, \dots, a_m . Biết đường thẳng a_i có đúng a_i điểm trong n điểm đã cho thẳng hàng. Đếm số đoạn thẳng, đường thẳng đi qua 2 điểm trong chúng.

6 Đếm Số. Đếm Hình

- 150** ([Bin23], VD24, p. 82). Đếm số số tự nhiên có 3 chữ số, các chữ số khác nhau, lập từ 3 trong 5 chữ số 1, 2, 3, 4, 5.
- 151** ([Bin23], VD25, p. 83). Đếm số cách sắp xếp nhất, nhì, ba trong: (a) 6 đội bóng thi đấu. (b) $n \in \mathbb{N}$ đội bóng thi đấu.
- 152** ([Bin23], VD26, p. 83). Đếm số cách gọi tên tam giác có 3 đỉnh là A, B, C .
- 153** ([Bin23], VD27, p. 83). Đếm số cách giao hoán các thừa số của tích $abcd$.
- 154** ([Bin23], VD28, p. 84). Đếm số cách sắp xếp 5 người ngồi: (a) Trên 1 ghế dài. (b) Xung quanh 1 bàn tròn.
- 155** ([Bin23], VD29, p. 84). Đếm số đoạn thẳng mà 2 đầu mút là 2 trong 5 điểm đã cho.
- 156** ([Bin23], VD30, p. 84). Cho 9 điểm trên mặt phẳng, trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng. Đếm số tam giác tạo thành.
- 157** ([Bin23], VD31, p. 85). Trong số 4 học sinh giỏi Văn & 9 học sinh giỏi Toán, lập ra 1 nhóm gồm 7 học sinh, trong đó có ít nhất 2 học sinh giỏi Văn. Đếm số cách lập nhóm.
- 158** ([Bin23], VD32, p. 85). (a) Đếm số cách xếp 2 bi đen, 4 bi trắng thành 1 dãy. (b) Đếm số cách xếp 2 bi đen, 9 bi trắng thành 1 dãy. (c) Đếm số cách xếp m bi đen, n bi trắng thành 1 dãy với $m, n \in \mathbb{N}$.
- 159** ([Bin23], VD33, p. 85). (a) Đếm số cách xếp 3 bi đen, 4 bi trắng thành 1 dãy. (b) Đếm số cách xếp 3 bi đen, 9 bi trắng thành 1 dãy.
- 160** ([Bin23], VD34, p. 86). Đếm số số tự nhiên không quá 3 chữ số mà tổng các chữ số bằng 4.
- 161** ([Bin23], VD35, p. 87). Đếm số số tự nhiên không quá 4 chữ số mà tổng các chữ số bằng 4.
- 162** ([Bin23], VD36, p. 87). Đếm số số tự nhiên không quá 4 chữ số mà tổng các chữ số bằng 9.

- 163** ([Bin23], 67., p. 87). Dùng 5 chữ số 1, 2, 3, 4, 5 để: (a) Lập được bao nhiêu số tự nhiên có 4 chữ số, trong đó các chữ số khác nhau? Tính tổng các số được lập. (b) Lập được bao nhiêu số chẵn, số lẻ có 5 chữ số khác nhau? (c) Lập được bao nhiêu số có 5 chữ số, trong đó 2 chữ số kề nhau phải khác nhau? (d) Lập được bao nhiêu số tự nhiên có 4 chữ số, các chữ số khác nhau, trong đó có 2 chữ số lẻ, 2 chữ số chẵn?
- 164** ([Bin23], 68., p. 87). Từ 5 chữ số 0, 1, 2, 3, 4, có thể lập được bao nhiêu số tự nhiên: (a) Gồm 5 chữ số khác nhau? (b) Gồm 4 chữ số khác nhau. (c) Gồm 3 chữ số khác nhau. (d) Gồm 3 chữ số có thể giống nhau.
- 165** ([Bin23], 69., pp. 87–88). Từ 5 chữ số 0, 1, 3, 5, 6, có thể lập được bao nhiêu số tự nhiên gồm 5 chữ số khác nhau thỏa 1 trong các điều kiện: (a) $\nmid 2$. (b) $: 2$. (c) $: 5$.
- 166** ([Bin23], 70., p. 88). (a) Dùng 3 chữ số 1, 2, 7 có thể viết được bao nhiêu số tự nhiên có 5 chữ số sao cho 2 chữ số 2, 7 có mặt 1 lần, còn chữ số 1 có mặt 3 lần? (b) Như (a) nếu thêm điều kiện các số phải đếm lớn hơn 20000.
- 167** ([Bin23], 71., p. 88). Đếm số số tự nhiên có 4 chữ số lập bởi các số 1, 2, 3 & 9?
- 168** ([Bin23], 72., p. 88). Đếm số tự nhiên có 11 chữ số, gồm 5 chữ số 1 & 6 chữ số 2 sao cho đọc xuôi & đọc ngược đều giống nhau.
- 169** ([Bin23], 73., p. 88). Đếm số số tự nhiên có không quá 3 chữ số mà tổng các chữ số bằng 9.
- 170** ([Bin23], 74., p. 88). Đếm số số tự nhiên có 4 chữ số mà tích các chữ số bằng 24.
- 171** ([Bin23], 75., p. 88). Đếm số số nguyên dương có 5 chữ số mà tổng các chữ số của nó bằng tích các chữ số đó.
- 172** ([Bin23], 76., p. 88). Cho 10 điểm trên mặt phẳng, không có 3 điểm nào thẳng hàng. Cứ qua 2 điểm, kẻ 1 đường thẳng. Đếm số đường thẳng.
- 173** ([Bin23], 77., p. 88). Có n điểm trên mặt phẳng. Có tất cả 91 đoạn thẳng nối 2 trong n điểm đó. Tính n .
- 174** ([Bin23], 78., p. 88). Cho n tia chung gốc tạo thành tất cả 153 góc. Tính n .
- 175** ([Bin23], 79., p. 88). Đếm số cách gọi tên: (a) Hình vuông $ABCD$. (b) Đa giác lồi $A_1A_2 \dots A_n$ với $n \in \mathbb{N}, n \geq 3$.
- 176** ([Bin23], 80., p. 88). Cho hình vuông 4×4 . Đếm số hình chữ nhật, số hình vuông.
- 177** ([Bin23], 81., p. 88). Có 12 điểm trên mặt phẳng trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng. Đếm số tam giác tạo thành.
- 178** ([Bin23], 82., p. 88). Cho $\widehat{xAy} \neq 180^\circ$. Trên tia Ax lấy 6 điểm khác A , trên tia Ay lấy 5 điểm khác A . Trong 12 điểm này, kể cả điểm A , 2 điểm nào cũng được nối với nhau bởi 1 đoạn thẳng. Đếm số tam giác mà các đỉnh là 3 trong 12 điểm đó.
- 179** ([Bin23], 83., p. 89). Có 9 đội bóng tham dự 1 giải bóng đá, mỗi đội phải đấu 2 trận với mỗi đội khác, ở sân nhà & ở sân khách. Đếm số trận đấu.
- 180** ([Bin23], 84., p. 89). Có 2 viên bi đỏ giống nhau, 8 viên bi xanh giống nhau. Đếm số cách xếp thành 1 hàng gồm cả 10 viên bi.
- 181** ([Bin23], 85., p. 89). 1 ô tô có 8 chỗ, kể cả chỗ của người lái xe. Đếm số cách xếp chỗ 8 người trên xe, biết trong đó có 2 người biết lái xe.
- 182** ([Bin23], 86., p. 89). Có 2 cặp bạn ngồi trên 1 ghế băng có 4 chỗ để chụp ảnh. Đếm số cách sắp xếp sao cho 2 người cùng cặp phải ngồi cạnh nhau.
- 183** ([Bin23], 87., p. 89). Đếm số cách sắp xếp 5 bạn A, B, C, D, E ngồi trên 1 ghế dài sao cho A, B ngồi cạnh nhau.
- 184** ([Bin23], 88., p. 89). Đếm số cách sắp xếp 5 bạn A, B, C, D, E ngồi xung quanh 1 bàn tròn sao cho A, B ngồi cạnh nhau.
- 185** ([Bin23], 89., p. 89). 1 nhóm 5 bạn gồm 3 nam, 2 nữ xếp thành 1 hàng ngang để chụp ảnh, sao cho 2 bạn nữ không đứng cạnh nhau. Đếm số cách sắp xếp.
- 186** ([Bin23], 90., p. 89). Đếm số cách chọn 3 tấm ảnh từ 6 tấm ảnh khác nhau.
- 187** ([Bin23], 91., p. 89). Đếm số cách lập nhóm 3 người từ 1 tổ 10 người để làm nhiệm vụ trực nhật.
- 188** ([Bin23], 92., p. 89). 1 tổ học sinh có 5 nam, 3 nữ. Đếm số cách lập nhóm 5 người gồm 3 nam, 2 nữ.
- 189** ([Bin23], 93., p. 89). Đếm số cách chia 8 chiếc kẹo cho 3 người để ai cũng được nhận kẹo.

Tài liệu

- [BC23] Vũ Hữu Bình and Đàm Hiếu Chiến. *Tài Liệu Chuyên Toán Trung Học Cơ Sở Toán 6. Tập 2: Hình Học*. Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam, 2023, p. 108.
- [Bin23] Vũ Hữu Bình. *Nâng Cao & Phát Triển Toán 6 Tập 2*. Tái bản lần thứ 2. Kết nối tri thức với cuộc sống. Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam, 2023, p. 152.
- [Thá+23] Đỗ Đức Thái, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, and Phạm Đức Quang. *Toán 6 Tập 1*. Cánh Diều. Nhà Xuất Bản Đại Học Sư Phạm, 2023, p. 128.
- [Thá23] Đỗ Đức Thái. *Bài Tập Toán 6 Tập 2*. Cánh Diều. Nhà Xuất Bản Đại Học Sư Phạm, 2023, p. 111.
- [Tuy23] Bùi Văn Tuyên. *Bài Tập Nâng Cao & Một Số Chuyên Đề Toán 6*. Tái bản lần thứ 1. Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam, 2023, p. 184.